TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TÂN CHÂU** **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 105/2019/DS-ST
Ngày: 16 - 10 - 2019.
V/v tranh chấp yêu cầu mở lối đi và bồi thường thiệt hại do tài sản bị xâm phạm

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN CHÂU, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Xuân Lan
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Bà Nguyễn Thị Thanh Bình;
2. Bà Phạm Thị Phương

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Tuyết Nhung - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh *tham gia phiên toà:* Bà Nguyễn Thị Bích Ngọc - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 353/2017/TLST-DS ngày 11 tháng 12 năm 2017 về "Tranh chấp yêu cầu mở lối đi và bồi thường thiệt hại do tài sản bị xâm phạm" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 91/2019/QĐXXST-DS ngày 27 tháng 9 năm 2019 giữa các đương sự:

1.Nguyên đơn: Ông **Nguyễn Văn T**, sinh năm 1957; có mặt.

Địa chỉ: Tổ 4, ấp TC, xã TH, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh.

2. Bị đơn: Anh **Trần Minh L**, sinh năm 1982; vắng mặt.

Địa chỉ: Tổ 4, ấp TC, xã TH, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh.

Người đại diện hợp pháp của anh L: Chị **Trần Thị U**, sinh năm 1978; có mặt.

Địa chỉ: Tổ 4, ấp TC, xã TH, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh (văn bản ủy quyền ngày 17/4/2018).

3. Người có quyền L và nghĩa vụ liên quan:

*3.1.*Chị **Ngô Châu P**, sinh năm 1989; vắng mặt.

Địa chỉ: Khu phố A, phường B, thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh.

*3.2.*Chị **Trần Thị U**, sinh năm 1978; vắng mặt.

Địa chỉ: Tổ 4, ấp TC, xã TH, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh.

*3.3.*Bà **Trần Thị S**, sinh năm 1937; vắng mặt.

Địa chỉ: Tổ 4, ấp TC, xã TH, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh.

Người đại diện hợp pháp của bà S: Chị **Trần Thị U**, sinh năm 1978; có mặt.

Địa chỉ: Tổ 4, ấp TC, xã TH, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh (văn bản ủy quyền ngày 17/4/2018).

3.4. Bà **Võ Thị H**, sinh năm 1963; vắng mặt.

Địa chỉ: Tổ 4, ấp TC, xã TH, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh.

Người đại diện hợp pháp của bà H: Ông **Nguyễn Văn T**, sinh năm 1957; có mặt.

Địa chỉ: Tổ 4, ấp TC, xã TH, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh (văn bản ủy quyền ngày 23/10/2018).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 30 tháng 11 năm 2017, cùng các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Nguyễn Văn T trình bày:

Gia đình ông có quản lý 01 phần đất diện tích 3.672,6 m^2, thuộc thửa số 167, tờ bản đồ số 33, đất tọa lạc tại ấp TC, xã TH, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh, đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Nguồn gốc đất do gia đình ông nhận chuyển nhượng. Phần đất này giáp ranh với đất của anh Trần Minh L. Giữa đất của gia đình ông với đất của anh L trước đây có 01 con đường đi từ đất của ông ra đường lộ nhựa. Nhưng vào tháng 8/2017, gia đình anh L tiến hành xây hàng rào xung quanh đất của anh L và xây luôn con đường đi, bà S (mẹ của anh L) thuê người chặt 02 cây xoài trên con đường đi. Hiện tại, thửa đất 167 của ông không có con đường đi ra đường lộ nhựa. Nay, ông yêu cầu anh L, chị P (vợ anh L) mở lại con đường đi giáp với phần đất của gia đình ông, chiều ngang khoảng 2,5 m, dài khoảng 105,9 m (theo đo đạc thực tế là 230,8 m^2) và yêu cầu bà Trần Thị S bồi thường trị giá 02 cây xoài đã chặt là 3.000.000 đồng.

Tại bản tự khai ngày 04/01/2018 của bị đơn Trần Minh L cùng các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện hợp pháp của anh L, bà Trần Thị S là chị Trần Thị U trình bày:

Nguồn gốc đất mà vợ chồng anh L đang quản lý sử dụng và đang tranh chấp với ông T là do anh L nhận chuyển nhượng của bà Hồ Thị N và bà 5 H vào năm 2012. Khi nhận chuyển nhượng đất này đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đến năm 2014 thì anh L, chị P được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất gồm: thửa số 162, tờ bản đồ số 4 diện tích 975 m^2, thửa số 807, tờ bản đồ số 4, diện tích 1.026 m^2 (nay là 02 thửa số 9 và thửa số 230). 02 thửa đất này giáp ranh với thửa số 167 của ông T. Khi nhận chuyển nhượng trên

đất của bà N, bà H có có 01 con đường dân sinh để đi ra, vô đất của bà N, bà H, đây là con đường tự người dân mở, không phải là con đường công cộng. Năm 2017, gia đình anh L tiến hành xây dựng hàng rào kiên cố xung quanh đất có cả con đường đi và có mở 01 con đường đi khác thẳng ra đường lộ nhựa cho các hộ dân phía sau đất của anh L đi. Chi phí mở đường do gia đình anh L, chị, bà S bỏ ra. Đối với đất của ông T thì ông T có nhiều thửa đất và có lối đi ra thẳng đường lộ nhựa. Nên, ông T yêu cầu mở lối đi trên đất của gia đình anh L thì gia đình anh L, anh L không đồng ý. Đối với 02 cây xoài trên đất do bà S thuê người chặt bỏ, 02 cây xoài này nằm trên đất của gia đình anh L, ông T không có trồng 02 cây xoài này, nên ông T yêu cầu bồi thường giá trị 02 cây xoài là 3.000.000 đồng, bà S không đồng ý bồi thường.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 25/10/2018, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Ngô Châu P trình bày:

Chị là vợ của anh Trần Minh L, thống nhất theo ý kiến của anh L, không trình bày ý kiến bổ sung.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh:

+ Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Riêng về thời hạn chuẩn bị xét xử là có vi phạm thời hạn chuẩn bị xét xử. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa dân sự. Những người tham gia tố tụng đều thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình, chấp hành tốt Nội quy phiên tòa.

+ Về nội dung vụ án: Căn cứ vào Điều 166, 175 Bộ luật Dân sự 2015; Điều 203 Luật đất đai năm 2013; các Điều 146, 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn T, buộc anh Trần Minh L có trách nhiệm trả lại phần đất làm đường đi có diện tích 230,8 m^2(chiều ngang giáp đất anh Thới về hướng Bắc 2,42 m, ngang giáp đường mới mở về hướng Đông 2,64 m, chiều dài giáp đất ông T và anh L về hướng Tây và hướng Nam là 98,16 m, chiều dài giáp đất anh L về hướng Đông là 94,15 m).

Không chấp nhận yêu cầu của ông Nguyễn Văn T đối với bà Trần Thị S về việc bồi thường giá trị 02 cây xoài là 3.000.000 đồng.

Về án phí: Ông Nguyễn Văn T được miễn án phí theo quy định của pháp luật.

Anh Trần Minh L phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, xét thấy:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp:

Nguyên đơn ông Nguyễn Văn T khởi kiện anh Trần Minh L về việc mở lại con đường đi, ông T khởi kiện bà S về việc bồi thường trị giá 02 cây xoài là 3.000.000 đồng. Quá trình Tòa án thụ lý và giải quyết vụ án xác định quan hệ pháp luật là "Tranh chấp quyền sử dụng lối đi chung và Đòi tài sản" là chưa chính xác. Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, quá trình tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ xác định quan hệ tranh chấp giữa ông Nguyễn Văn T và anh Trần Minh L, bà Trần Thị S là "Tranh chấp yêu cầu mở lối đi và bồi thường thiệt hại do tài sản bị xâm phạm theo quy định tại Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Anh Trần Minh L là bị đơn vắng mặt nhưng có mặt người đại diện hợp pháp của anh L tại phiên tòa; bà Trần Thị S là người có quyền L, nghĩa vụ liên quan vắng mặt nhưng có nhưng có mặt người đại diện hợp pháp của bà S tại phiên tòa; chị Ngô Châu P là người có quyền L, nghĩa vụ liên quan vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bà Võ Thị H là người có quyền L, nghĩa vụ liên quan vắng mặt nhưng có mặt người đại diện hợp pháp của bà H tại phiên tòa. Căn cứ vào Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh L, chị P, bà S, bà H.

[3] Về nội dung vụ án: Ông Nguyễn Văn T, bà Võ Thị H với anh Trần Minh L, chị Ngô Châu P đang sử dụng các phần đất nằm liền kề với nhau. Trước khi tranh chấp giữa đất của ông T với anh L có 01 con đường đi ra đường lộ nhựa. Ông T cho rằng con đường này là lối đi chung, anh L tự ý xây hàng rào bịch lối đi, hiện tại thửa đất của ông không có lối đi ra đường lộ nhựa. Anh L cho rằng, con đường đi này là con đường dân sinh, do chủ đất cũ tự mở để đi trên đất của mình, sau khi anh L nhận chuyển nhượng xong, không đi trên con đường này nửa nên xây hàng rào kiên cố xung quan đất của anh L. Mặt khác, gia đình anh L đã mở 01 con đường đi thẳng ra đường lộ nhựa cho các hộ dân khác đi, nên giữa ông T, anh L xảy ra tranh chấp.

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của ông T, Hội đồng xét xử thấy rằng: Giữa thửa đất của ông T và anh L, trước năm 2017 là có 01 lối đi. Sau đó, gia đình anh L tiến hành xây dựng hàng rào kiên cố và bít luôn lối đi này. Ông T cho rằng không có lối đi trên thửa đất 167 của ông. Nhưng qua xem xét thẩm định tại chổ, xác minh tại địa phương thấy rằng: Ngoài thửa đất 167, ông T còn nhiều thửa đất khác nằm kiền kề với thửa 167 (như các thửa 166, 168) , có thửa đất nằm

giáp đường lộ nhựa 785. Nếu cho rằng thửa đất 167 không có lối đi ra đường lộ nhựa thì có thể mở lối đi qua các thửa đất khác của ông T để ra đường thì sẽ phù hợp hơn là mở lối đi qua đất của gia đình anh L. Mặt khác, gia đình anh L đã tự mở 01 lối đi thẳng ra đường lộ nhựa giáp thửa số 09 của anh L, nên không cần thiết phải mở thêm 01 lối đi khác cũng giáp với thửa đất số 09 của gia đình anh L để có lối đi cho một thửa 167. Trong quá trình giải quyết vụ án, xác định lối đi mà ông ông T yêu cầu gia đình anh L mở đi là đường tự mở, do các chủ đất củ trước mở ra để tự đi vào đất của mình, theo bản đồ năm 1999 thì không thể hiện con đường đi này. Nên xét thấy yêu cầu của ông T yêu cầu mở lối đi cho thửa đất 167 là không có cơ sở chấp nhận. Đối với yêu cầu trả lại số tiền trị giá 02 cây xoài của ông T, thấy rằng 02 cây xoài này ông T không có trồng, chăm sóc, không thuộc quyền sở hữu của ông T, nên ông T yêu cầu bà S bồi thường trị giá 02 cây xoài là 3.000.000 đồng là không có căn cứ chấp nhận.

[5] Về án phí: Ông T được miễn tiền án phí dân sự sơ thẩm; anh L không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[6] Về các chi phí tố tụng khác: Chi phí đo đạc, thẩm định giá tài sản, xem xét thẩm định tại chỗ là 12.000.000 đồng, do yêu cầu của ông T không được chấp nhận nên ông T phải chịu chi phí này. Ông T đã tạm ứng và đã chi phí xong.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 203 Luật đất đai; các Điều 175, 589 Bộ luật Dân sự; các Điều 144, 147, 165, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1/ Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn T đối với anh Trần Minh L, chị Ngô Châu P về việc mở lối đi có diện tích 230,8 m^2 (chiều ngang giáp đất anh Thới về hướng Bắc 2,42 m, ngang giáp đường mới mở về hướng Đông 2,64 m, chiều dài giáp đất ông T và anh L về hướng Tây và hướng Nam là 98,16 m, chiều dài giáp đất anh L về hướng Đông là 94,15 m).

2/ Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn T đối với bà Trần Thị S về việc yêu cầu bồi thường thiệt hại giá trị 02 cây xoài là 3.000.000 (ba triệu) đồng.

3/ Về án phí, các chi phí tố tụng khác:

- Về án phí:

Ông Nguyễn Văn T được miễn tiền án phí dân sự sơ thẩm; hoàn trả lại cho ông T số tiền 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí sơ thẩm ông T đã nộp theo biên lai thu số 0024976 ngày 11/12/2017 của Chi cục T hành án dân sự huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh.

Anh Trần Minh L không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- Các chi phí tố tụng khác: Về chi phí đo đạc, thẩm định giá tài sản, xem xét thẩm định tại chỗ: Ông Nguyễn Văn T phải chịu là 12.000.000 (mười hai triệu) đồng, ghi nhận ông T đã nộp và đã chi phí xong.

4/ Trường hợp bản án được T hành theo quy định tại Điều 2 Luật T hành án dân sự thì người được T hành án dân sự, người phải T hành án dân sự có quyền thỏa thuận T hành án, quyền yêu cầu T hành án, tự nguyện T hành án hoặc bị cưỡng chế T hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật T hành án dân sự; thời hiệu T hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật T hành án dân sự.

5/ Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND Tỉnh Tây Ninh;
- VKSND H.Tân Châu;
- THADS Tân Châu;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, tập án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

(đã ký)

Phạm Thị Xuân Lan